

Số: 74/QĐ-UBND

Yết Kiêu, ngày 24 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu Quyết toán ngân sách xã năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán xã .

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu Quyết toán ngân sách xã năm 2022 đã được thông qua tại kì họp thứ 7 ngày 26/07/2023 HĐND xã khóa II nhiệm kì 2021-2026.

(có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Văn phòng HĐND- UBND, Tài chính - Kế toán xã và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính - KH Huyện;
- Thường vụ Đảng ủy;
- Thường trực HĐND;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu Văn phòng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Văn Du

**BÁO CÁO THUYẾT MINH CÔNG KHAI
Quyết toán ngân sách xã năm 2022**

(Đã được Hội đồng nhân dân xã khóa II, nhiệm kỳ 2021-2026 kì họp thứ 7
thông qua ngày 26/07/2023)

Nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2022 được thực hiện theo Quyết định số 4299/QĐ - UBND ngày 29 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Gia Lộc về việc giao chỉ tiêu kế hoạch thu, chi ngân sách năm 2022 cho UBND Xã Yết Kiêu và Nghị quyết số 12 /NQ - HĐND ngày 30/12/2021 của Hội đồng nhân dân xã về phương án phân bổ ngân sách xã năm 2022.

Ủy ban nhân dân xã Yết Kiêu thông báo công khai quyết toán ngân sách xã năm 2022 với nội dung như sau

I/ CÂN ĐỐI THU CHI NGÂN SÁCH XÃ 2022

- Tổng thu ngân sách :19.223.789.256 đồng.
- Tổng chi ngân sách : 19.223.789.256 đồng.

Trong đó chuyển nguồn sang năm 2023 là :2.628.440.650 đồng)
(chi tiết biểu số 116/CK-NSNN kèm theo)

II/ QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2022:

Tổng thu ngân sách xã năm 2022 là : 19.223.789.256 đồng. Đạt 195,93 % so với dự toán HĐND huyện và HĐND xã giao.

Trong đó các chỉ tiêu thu ngân sách cụ thể như sau :

- Thu phí, lệ phí chứng thực : 31.201.000 đồng , đạt 124,8% so với dự toán HĐND huyện và HĐND xã giao.
- Thu từ quỹ đất công ích và đất công : 153.038.000 đồng , đạt 255,06% so với dự toán HĐND huyện và HĐND xã giao.
- Thu phạt theo lĩnh vực công an, Quân sự: 23.895.000 đồng .
- Thu thuế thu nhập cá nhân : 28.004.384 đồng , đạt 87,51 % so với dự toán HĐND huyện và HĐND xã giao.
- Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 178.729.566 đồng , đạt 198,59 % so với dự toán HĐND huyện và HĐND xã giao.
- Thu lệ phí môn bài từ hộ cá nhân, hộ kinh doanh : 26.000.000 đồng , đạt 100 % so với dự toán HĐND huyện và HĐND xã giao.
- Thu lệ phí trước bạ nhà đất : 180.770.838 đồng , đạt 180,77 % so với dự toán HĐND huyện và HĐND xã giao.
- Thu tiền sử dụng đất : 3.060.758.750 đồng .
- Thu tiền thuế GTGT : 59.122.282 đồng , đạt 105,58% so với dự toán HĐND huyện và HĐND xã giao.

- Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên : 4.050.600.000 đồng , đạt 100% so với dự toán HĐND huyện và HĐND xã giao.
- Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên : 10.383.481.000 đồng , đạt 194,01 % so với dự toán HĐND huyện và HĐND xã giao.
- Thu chuyển nguồn năm 2021 chuyển sang : 884.248.486 đồng .

(chi tiết biểu số 117/CK-NSNN kèm theo)

*** Đánh giá công tác quản lý thu ngân sách năm 2022:**

1. Ưu điểm:

Công tác thu ngân sách năm 2022 đạt 195,93 % kế hoạch huyện giao đầu năm. Đây là sự cố gắng phấn đấu vượt bậc của Đảng và hệ thống chính quyền xã Yết Kiêu. Các chỉ tiêu thu đạt vượt mức so với dự toán huyện giao gồm các khoản thu NSX được hưởng 100% như thu phí ,lệ phí ;thu từ quỹ đất công ,đất công ích đạt 244,86 % so với kế hoạch huyện giao.

Chỉ tiêu thu phạt an ninh,quốc phòng,phạt hành chính về vi phạm hoạt động An ninh, Quốc phòng không những mang lại nguồn thu ngân sách mà còn thể hiện sự quyết tâm,rắn đẽ, không bao che cho những vi phạm ,đặc biệt vi phạm về hoạt động Quốc phòng, tuyển nghĩa vụ quân sự.

Các chỉ tiêu thu phân chia theo tỷ lệ % như thuế sử dụng đất phi NN đạt 198,59%; Lệ phí Công tác thu thuế sử dụng đất Phi NN và thu quỹ PCTT được triển khai tới các thôn trong thời gian ngắn .

Chỉ tiêu thu tiền đất vượt so với kế hoạch đầu năm. Trong năm thu được 3.060.758.750 đồng. Đây là tiền thu đất dôi dư, xen kẹt trong 4 tháng đầu năm 2022, chỉ tiêu thu này chưa cao so với tỉ lệ đất dôi dư, xen kẹt trong toàn xã song đã đánh giá tinh thần quyết tâm phấn đấu, tạo nguồn thu chi trả nợ xây dựng cơ bản của UBND xã.

2. Hạn chế:

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong công tác triển khai thu ngân sách năm 2022, song vẫn còn tồn tại một số vấn đề cần khắc phục trong thời gian tới như sau:

- Năm 2022 vẫn còn một số chỉ tiêu sắc thuế chưa đạt tỉ lệ thu 100 % như thuế thu nhập cá nhân. Lệ phí môn bài từ hộ kinh doanh vừa đạt chỉ tiêu . Đây là chỉ tiêu thu mang lại nguồn thu rất lớn cho địa phương vì Yết Kiêu là một xã có hoạt động kinh doanh buôn bán phát triển. Đề nghị địa phương kết hợp cơ quan thuế tăng cường công tác vận động nhân dân cũng như tăng cường một số biện pháp thắt chặt quản lý thu, mang lại hiệu quả thu tốt hơn vào năm 2023 tới đây.

- Cần tích cực rà soát, tuyên truyền và đẩy mạnh hơn nữa công tác thu tiền sử dụng đất dôi dư, xen kẹt.

- Các thôn cần tiến hành thu triệt để các khoản nợ cũ các năm trước để lại.

II/ QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022:

Tổng số quyết toán chi ngân sách xã năm 2022 là :19.223.789.256 đồng , đạt 195,93 % so với dự toán HĐND huyện giao đầu năm .

1 .Chi đầu tư xây dựng cơ bản .

Tổng chi XDCB năm 2022 là 5.330.758.750 đồng ,Cụ thể như sau :

- Chi các công trình xây dựng cơ bản ngành giáo dục : 2.800.000.000 đồng.
- Chi các công trình xây dựng cơ bản lĩnh thể thao : 360.758.750 đồng.
- Chi các công trình xây dựng nghĩa trang liệt sĩ : 1.900.000.000 đồng.
- Chi các công trình trụ sở,hội trường UBND xã : 270.000.000 đồng.
- Chi chuyển nguồn XDCB năm 2022 sang năm 2023 : 1.550.000.000 đồng.

Trong đó dùng các nguồn vốn như sau :

- Chi bằng nguồn vốn XDCB ngân sách huyện hỗ trợ : 2.270.000.000 đồng .
- Chi bằng nguồn vốn XDCB tiền đất ngân sách xã thu được trong năm trong năm : 3.060.758.750 đồng.

2. Chi thường xuyên .

Tổng chi thường xuyên ngân sách xã năm 2022 là : 11.264.589.756 đồng, đạt 125,8% so với dự toán HĐND xã giao đầu năm, cụ thể như sau :

- Chi Dân quân tự vệ : 483.016.627 đồng , đạt 111,05% so với dự toán HĐND huyện ,HĐND xã giao đầu năm .
- Chi An ninh : 528.467.860 đồng , đạt 123,89% so với dự toán HĐND huyện giao xã giao đầu năm.
- Chi giáo dục : 24.792.000 đồng , đạt 99,17% so với dự toán HĐND huyện giao và đạt 100 % so với dự toán HĐND xã giao đầu năm.
- Chi thể dục,thể thao : 60.995.312 đồng , đạt 304,98 % so với dự toán HĐND huyện giao .Năm 2021 tình hình dịch bệnh Covid phức tạp lên đã dừng đại hội TDTT và các hoạt động thể thao tập trung lên chuyển toàn bộ số tiền chuyển nguồn sang năm 2022, vì vậy làm tăng dự toán chi thể dục thể thao năm 2022 so với đầu năm.
- Chi văn hóa,thông tin : 59.996.200 đồng , đạt 99,99% so với dự toán HĐND huyện giao ,HĐND xã giao đầu năm.
- Chi sự nghiệp phát thanh : 46.092.000 đồng , đạt 100 % so với dự toán HĐND huyện giao , HĐND xã giao đầu năm.
- Chi sự nghiệp môi trường : 64.500.000 đồng , đạt 100 % so với dự toán HĐND huyện giao , HĐND xã giao đầu năm.
- Chi sự nghiệp kinh tế : 462.481.650 đồng , đạt 365,31 % so với dự toán HĐND huyện giao , dự toán HĐND xã giao đầu năm ,do trong năm được điều chỉnh bổ sung nguồn chi quy hoạch xã Nông thôn mới đến năm 2030 .

BIỂU CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Ban hành kèm theo QĐ số 74 ngày 24/08/2023 của UBND xã Yết Kiêu)

Đơn vị tính: đồng

| Nội dung thu | Quyết toán | Nội dung chi | Quyết toán |
|--|-----------------------|---|-----------------------|
| Tổng số thu | 19,223,789,256 | Tổng số chi | 19,223,789,256 |
| I- Các khoản thu xã hưởng 100% | 208,134,000 | I- Chi đầu tư phát triển | 5,330,758,750 |
| II- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % | 3,697,325,770 | II- Chi thường xuyên | 11,264,589,856 |
| III- Thu bổ sung | 14,434,081,000 | III- Chi chuyển nguồn sang năm sau (nếu có) | 2,628,440,650 |
| 1- Bổ sung cân đối | 4,050,600,000 | IV- Chi nộp trả ngân sách cấp trên | |
| 2- Bổ sung có mục tiêu | 10,383,481,000 | | |
| IV - Thu kết dư ngân sách năm | | | |
| V- Thu chuyển nguồn từ năm trước sang (nếu có) | 884,248,486 | | |
| Kết dư ngân sách | | | |

**UBND XÃ YẾT KIÊU**

Biểu số 117/CK-NSNN

TỜNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ THEO NỘI DUNG KINH TẾ NĂM 2022

(Ban hành kèm theo QĐ số 74 ngày 24/08/2023 của UBND xã Yết Kiêu)

Đơn vị tính: đồng

| Số TT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN | | QUYẾT TOÁN | | SO SÁNH(%) | |
|-------|---|---------------|---------------|----------------|----------------|------------|----------|
| | | THU NSNN | THU NSX | THU NSNN | THU NSX | THU NSNN | THU NSX |
| | Tổng thu | 9,811,500,000 | 9,811,500,000 | 19,223,789,256 | 19,223,789,256 | 195.93% | 195.93% |
| I | Các khoản thu 100% | 85,000,000 | 85,000,000 | 208,134,000 | 208,134,000 | 244.86% | 244.86% |
| 1 | Phí và lệ phí | 25,000,000 | 25,000,000 | 31,201,000 | 31,201,000 | 124.80% | 124.80% |
| 2 | Thu từ quỹ đất công ích và đất công | 60,000,000 | 60,000,000 | 153,038,000 | 153,038,000 | 255.06% | 255.06% |
| 2.1 | Thu HLCs từ quỹ đất công ích và đất công | 40,000,000 | 40,000,000 | 153,038,000 | 153,038,000 | 382.60% | 382.60% |
| 2.2 | Thu hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất | - | - | - | - | - | - |
| 2.3 | Khác | 20,000,000 | 20,000,000 | - | - | - | - |
| 3 | Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp | - | - | - | - | - | - |
| 4 | Thu phạt, tịch thu khác theo quy định | - | - | 23,895,000 | 23,895,000 | - | - |
| 5 | Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của NN theo QĐ | - | - | - | - | - | - |
| 6 | Đóng góp của nhân dân theo quy định | - | - | - | - | - | - |
| 7 | Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân | - | - | - | - | - | - |
| 8 | Thu khác | - | - | - | - | - | - |
| II | Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) | 324,000,000 | 324,000,000 | 3,697,325,770 | 3,697,325,770 | 1141.15% | 1141.15% |
| 1 | CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA (1) | 248,000,000 | 248,000,000 | 413,504,788 | 413,504,788 | 166.74% | 166.74% |
| - | Thuế thu nhập cá nhân | 32,000,000 | 32,000,000 | 28,004,384 | 28,004,384 | 87.51% | 87.51% |
| - | Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | 90,000,000 | 90,000,000 | 178,729,566 | 178,729,566 | 198.59% | 198.59% |
| - | Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh | 26,000,000 | 26,000,000 | 26,000,000 | 26,000,000 | 100.00% | 100.00% |
| - | Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình | - | - | - | - | - | - |
| - | Lệ phí trước bạ nhà, đất | 100,000,000 | 100,000,000 | 180,770,838 | 180,770,838 | 180.77% | 180.77% |

| CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA THEO QUY ĐỊNH CỦA TỈNH (2) | | 76,000,000 | 76,000,000 | 3,283,820,982 | 3,283,820,982 | 4320.82% | 4320.82% |
|--|---|---------------|---------------|----------------|----------------|----------|----------|
| 2 | Thu tiền sử dụng đất | - | - | 3,060,758,750 | 3,060,758,750 | | |
| - | Thuế tiêu thụ đặc biệt | - | - | - | - | | |
| - | Thuế tài nguyên | - | - | - | - | | |
| - | Thuế giá trị gia tăng | 56,000,000 | 56,000,000 | 59,122,282 | 59,122,282 | 105.58% | 105.58% |
| - | Các khoản thuế điều tiết khác | 20,000,000 | 20,000,000 | 163,939,950 | 163,939,950 | | |
| III | Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có) | | | - | | | |
| IV | Thu chuyển nguồn | | | 884,248,486 | 884,248,486 | | |
| V | Thu kết dư ngân sách năm trước | | | | | | |
| VI | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên | 9,402,500,000 | 9,402,500,000 | 14,434,081,000 | 14,434,081,000 | 153.51% | 153.51% |
| - | Bổ sung cân đối | 4,050,600,000 | 4,050,600,000 | 4,050,600,000 | 4,050,600,000 | 100.00% | 100.00% |
| - | Bổ sung có mục tiêu | 5,351,900,000 | 5,351,900,000 | 10,383,481,000 | 10,383,481,000 | 194.01% | 194.01% |



TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO NỘI DUNG KINH TẾ NĂM 2022
(Ban hành kèm theo QĐ số 74 ngày 24/08/2023 của UBND xã Yên Kiêu)

Biểu số 118CK-NSNN

Đơn vị tính: đồng

| STT | NỘI DUNG | Dự toán | | | | Quyết toán | | | | So sánh (%) | | |
|-----|----------------------------------|------------------|------------------------|-----------------------|------------------|------------------------|-----------------------|------------------|-----------------------------|----------------------------|--|--|
| | | Tổng số 3=4+5 | Đầu tư phát triển 4 | Chi thường xuyên 5 | Tổng số 6=7+8 | Đầu tư phát triển 7 | Chi thường xuyên 8 | Tổng số 9=6/3 | Đầu tư phát triển 10=7/4 | Chi thường xuyên 11=8/5 | | |
| 1 | Tổng chi | 9,811,500,000 | 0 | 9,811,500,000 | 19,223,789,256 | 6,880,758,750 | 12,343,030,506 | 195.93% | 10=7/4 | 11=8/5 | | |
| 1 | Chi dân quân Tự vệ, trật tự ATXH | 859,754,000 | | 859,754,000 | 1,011,484,487 | | 1,011,484,487 | 117.65% | | 117.65% | | |
| | - Chi dân quân tự vệ | 433,191,000 | | 433,191,000 | 483,016,627 | | 483,016,627 | 111.50% | | 111.50% | | |
| | - Chi an ninh trật tự | 426,563,000 | | 426,563,000 | 528,467,860 | | 528,467,860 | 123.89% | | 123.89% | | |
| 2 | Chi giáo dục | 25,000,000 | | 25,000,000 | 2,824,792,000 | 2,800,000,000 | 24,792,000 | 11299.17% | | 99.17% | | |
| 3 | Chi y tế | 0 | 0 | | 0 | | | | | | | |
| 4 | Chi văn hóa, thông tin | 60,000,000 | | 60,000,000 | 59,996,200 | | 59,996,200 | 99.99% | | 99.99% | | |
| 5 | Chi phát thanh, truyền hình | 46,092,000 | | 46,092,000 | 46,092,000 | | 46,092,000 | 100.00% | | 100.00% | | |
| 6 | Chi thể dục thể thao | 20,000,000 | | 20,000,000 | 421,754,062 | 360,758,750 | 60,995,312 | 2108.77% | | 304.98% | | |
| 7 | Chi bảo vệ môi trường | 64,500,000 | | 64,500,000 | 64,500,000 | | 64,500,000 | 100.00% | | 100.00% | | |
| 8 | Chi các hoạt động kinh tế | 126,600,000 | 0 | 126,600,000 | 462,481,650 | 0 | 462,481,650 | 365.31% | | 365.31% | | |
| | - Giao thông | 43,600,000 | | 43,600,000 | 63,600,000 | | 63,600,000 | 145.87% | | 145.87% | | |
| | - Nông - Lâm - Thủy lợi | 83,000,000 | | 83,000,000 | 98,881,650 | | 98,881,650 | 119.13% | | 119.13% | | |
| | - Thị chính | | | | 0 | | | | | | | |
| | - Thương mại, dịch vụ | | | | 0 | | | | | | | |
| | - Các hoạt động kinh tế | 0 | | | 300,000,000 | | 300,000,000 | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|----|---|---------------|---|---------------|---------------|---------------|---------------|----------|---------|
| 9 | Chi công tác xã hội | 960,632,000 | 0 | 960,632,000 | 3,625,285,090 | 1,900,000,000 | 1,725,285,090 | 377.39% | 179.60% |
| | - Hưu xã, thôi việc và trợ | 814,632,000 | | 814,632,000 | 916,192,000 | | 916,192,000 | 112.47% | 112.47% |
| | - Trẻ mồ côi, người già, | | | | 0 | | | | |
| | - Trợ cấp xã hội | 56,000,000 | | 56,000,000 | 160,093,090 | | 160,093,090 | 285.88% | 285.88% |
| | - Chính sách và hoạt động NCC với cách mạng | 90,000,000 | | 90,000,000 | 2,549,000,000 | 1,900,000,000 | 649,000,000 | 2832.22% | 721.11% |
| 10 | Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể | 7,536,522,000 | 0 | 7,536,522,000 | 8,054,963,117 | 270,000,000 | 7,784,963,117 | 106.88% | 103.30% |
| | <i>Trong đó: Quỹ lương</i> | | | | | | | | |
| | + Quản lý Nhà nước | 4,951,478,000 | | 4,951,478,000 | 5,460,451,540 | 270,000,000 | 5,190,451,540 | 110.28% | 104.83% |
| | + Đảng công sản Việt Nam | 829,669,000 | | 829,669,000 | 829,669,000 | | 829,669,000 | 100.00% | 100.00% |
| | - Mặt trận tổ quốc Việt Nam | 627,540,000 | | 627,540,000 | 627,540,000 | | 627,540,000 | 100.00% | 100.00% |
| | - Đoàn Thanh niên CSHCM | 297,535,000 | | 297,535,000 | 307,002,577 | | 307,002,577 | 103.18% | 103.18% |
| | -Hội Phụ nữ Việt nam | 263,475,000 | | 263,475,000 | 263,475,000 | | 263,475,000 | 100.00% | 100.00% |
| | - Hội Cựu chiến binh Việt nam | 267,897,000 | | 267,897,000 | 267,897,000 | | 267,897,000 | 100.00% | 100.00% |
| | - Hội Nông dân Việt nam | 298,928,000 | | 298,928,000 | 298,928,000 | | 298,928,000 | 100.00% | 100.00% |
| | + Chi hỗ trợ khác (nếu có) | | | | | | | | |
| 11 | Chi khác | 24,000,000 | | 24,000,000 | 24,000,000 | | 24,000,000 | 100.00% | 100.00% |
| 12 | Dự phòng | 88,400,000 | | 88,400,000 | 0 | | | | |
| 13 | Chi chuyển nguồn sang năm 2023 | | | | 2,628,440,650 | 1,550,000,000 | 1,078,440,650 | | |



UBND XÃ YẾT KIỆU
HẢI DƯƠNG

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022

(Ban hành kèm theo QĐ số 74 ngày 24/08/2023 của UBND xã Yết Kiêu)

Biểu số 119/CK-NSNN

Đơn vị: đồng

| Tên công trình | Thời gian KC - HT | Tổng dự toán được duyệt | | Giá trị thực hiện đến 31/12/2021 | Tổng số | Trong đó thanh toán khối lượng năm trước | Chia theo nguồn vốn | | |
|---|----------------------|-------------------------|--------------------------|--|----------------------|---|----------------------------|----------------|----------|
| | | Tổng số | Tr đó: Nguồn đóng góp | | | | Nguồn cân đối ngân sách | Nguồn đóng góp | |
| 1. Công trình chuyển tiếp | | | | | | | | | |
| Xây dựng, cải tạo hàng mục phụ trợ trường tiểu học Yết Kiêu | 2021-2021 | 2.390,488,000 | - | 2.390,488,000 | 2.000,000,000 | - | 2.000,000,000 | | |
| Xây dựng công tường rào, nhà xe giáo viên, mái chống nóng nhà hiệu bộ Trường học cơ sở Gia Hòa | 2021-2021 | 1,125,728,000 | | 1,125,728,000 | 800,000,000 | | 800,000,000 | | |
| Cải tạo nghĩa trang liệt sĩ xã Yết Kiêu (Điểm Yết Kiêu) | 2021-2021 | 5,762,121,000 | | 5,762,121,000 | 1,000,000,000 | 255,578,000 | 1,000,000,000 | | |
| 2. Công trình khởi công mới | | | | | | | | | |
| Cải tạo nghĩa trang liệt sĩ xã Yết Kiêu (Điểm Trùng Khánh) | 2022-2023 | 3,778,200,000 | | | 900,000,000 | | 900,000,000 | | |
| Sân vận động Phương Xá | 2022-2022 | 653,000,000 | | | 360,758,750 | | 360,758,750 | | |
| Cải tạo nhà một cửa xã Yết Kiêu | 2022-2022 | 360,000,000 | | | 270,000,000 | | 270,000,000 | | |
| Tổng cộng | | 14,069,537,000 | - | 9,278,337,000 | 5,330,758,750 | 255,578,000 | 5,330,758,750 | | - |